

THÔNG BÁO

Công khai thông tin chất lượng giáo dục tiểu học thực tế, năm học 2020 - 2021

	Tổng số	Chia ra				
		Lớp 1	Lớp 2	Lớp 3	Lớp 4	Lớp 5
I. Tổng số HS	658	136	150	145	117	110
II. Học sinh học 2 buổi/ngày	658	136	150	145	117	110
III. Đánh giá học sinh						
Tổng số HS xếp loại môn học	658	136	150	145	117	110
1. Toán	658	136	150	145	117	110
Chia ra: - Hoàn thành tốt	426	116	95	89	57	69
- Hoàn thành	230	18	55	56	60	41
- Chưa hoàn thành	2	2				
2. Tiếng Việt	658	136	150	145	117	110
Chia ra: - Hoàn thành tốt	347	107	71	71	46	52
- Hoàn thành	308	26	79	74	71	58
- Chưa hoàn thành	3	3				
3. Khoa học	227				117	110
Chia ra: - Hoàn thành tốt	123	x	x	x	51	72
- Hoàn thành	104				66	38
- Chưa hoàn thành		x	x	x		
4. Lịch sử & Địa lý	227				117	110
Chia ra: - Hoàn thành tốt	98	x	x	x	46	52
- Hoàn thành	129				71	58
- Chưa hoàn thành		x	x	x		
5. Ngoại ngữ	658	136	150	145	117	110
Chia ra: - Hoàn thành tốt	353	112	65	58	56	62
- Hoàn thành	305	24	85	87	61	48
- Chưa hoàn thành						
6. Hoạt động trải nghiệm	136	136				
Chia ra: - Hoàn thành tốt	109	109	x	x	x	x
- Hoàn thành	27	27				
- Chưa hoàn thành						
7. Tin học	522	x	150	145	117	110
Chia ra: - Hoàn thành tốt	262	x	96	63	56	47
- Hoàn thành	260		54	82	61	63
- Chưa hoàn thành						
8. Đạo đức	658	136	150	145	117	110
Chia ra: - Hoàn thành tốt	477	114	115	105	70	73
- Hoàn thành	181	22	35	40	47	37
- Chưa hoàn thành						
9. Tự nhiên và Xã hội	431	136	150	145		
Chia ra: - Hoàn thành tốt	315	110	107	98	x	x
- Hoàn thành	116	26	43	47		
- Chưa hoàn thành					x	x



10. Âm nhạc	658	136	150	145	117	110
Chia ra: - Hoàn thành tốt	488	112	113	110	85	68
- Hoàn thành	170	24	37	35	32	42
- Chưa hoàn thành						
11. Mĩ thuật	658	136	150	145	117	110
Chia ra: - Hoàn thành tốt	451	113	93	106	69	70
- Hoàn thành	207	23	57	39	48	40
- Chưa hoàn thành						
12. Thủ công	295		150	145		
Chia ra: - Hoàn thành tốt	216	x	103	113	x	x
- Hoàn thành	79		47	32		
- Chưa hoàn thành					x	x
13. Kỹ thuật	227	x	x	x	117	110
Chia ra: - Hoàn thành tốt	152	x	x	x	82	70
- Hoàn thành	75	x	x	x	35	40
- Chưa hoàn thành		x	x	x		
14. Thể dục (GDTC khối 1)	658	136	150	145	117	110
Chia ra: - Hoàn thành tốt	471	108	102	101	84	76
- Hoàn thành	187	28	48	44	33	34
- Chưa hoàn thành						
III. Về năng lực (TT 22/2016)						
1. Tự phục vụ	522		150	145	117	110
Chia ra: - Tốt	311	x	96	87	61	67
- Đạt	211		54	58	56	43
- Cần cố gắng						1
2. Hợp tác	522		150	145	117	110
Chia ra: - Tốt	309	x	102	79	64	64
- Đạt	213		48	66	53	46
- Cần cố gắng						3
3. Tự học giải quyết vấn đề	522		150	145	117	110
Chia ra: - Tốt	277	x	84	75	54	64
- Đạt	245		66	70	63	46
- Cần cố gắng						
IV. Về phẩm chất (TT 22/2016)						
1. Chăm học chăm làm	522		150	145	117	110
Chia ra: - Tốt	379	x	112	113	75	79
- Đạt	143		38	32	42	31
- Cần cố gắng						
2. Tự tin trách nhiệm	522		150	145	117	110
Chia ra: - Tốt	394	x	124	113	76	81
- Đạt	128		26	32	41	29
- Cần cố gắng						
3. Trung thực kỷ luật	522		150	145	117	110
Chia ra: - Tốt	400	x	126	114	81	79
- Đạt	122		24	31	36	31
- Cần cố gắng						
4. Đoàn kết yêu thương	522		150	145	117	110
Chia ra: - Tốt	414	x	134	114	83	83

- Đạt	108		16	31	34	27
- Cần cố gắng						
IV. Năng lực cốt lõi (TT27/2020)						
1.Năng lực chung (TT27/2020)	136	136	x	x	x	x
*. Tự chủ&tự học	136	136	x	x	x	x
Tốt	114	114				
Đạt	21	21				
Cần cố gắng	1	1				
* Giao tiếp & hợp tác	136	136	x	x	x	x
Tốt	112	112				
Đạt	22	22				
Cần cố gắng	2	2				
*Giải quyết vấn đề &sáng tạo	136	136	x	x	x	x
Tốt	107	107				
Đạt	27	27				
Cần cố gắng	2	2				
2.Năng lực đặc thù (TT27/2020)						
*Ngôn ngữ	136	136	x	x	x	x
Tốt	112	112				
Đạt	23	23				
Cần cố gắng	1	1				
*Tính toán	136	136	x	x	x	x
Tốt	108	108				
Đạt	27	27				
Cần cố gắng	1	1				
*Khoa học	136	136	x	x	x	x
Tốt	111	111				
Đạt	25	25				
Cần cố gắng						
*Thẩm mĩ	136	136	x	x	x	x
Tốt	117	117				
Đạt	19	19				
Cần cố gắng						
*Thể chất	136	136	x	x	x	x
Tốt	125	125				
Đạt	11	11				
Cần cố gắng						
V. Phẩm chất chủ yếu (TT27/2020)						
1. Yêu nước	136	136	x	x	x	x
Tốt	124	124				
Đạt	12	12				
Cần cố gắng						
2.Nhân ái	136	136	x	x	x	x
Tốt	127	127				
Đạt	9	9				
Cần cố gắng						
3.Chăm chỉ	136	136	x	x	x	x
Tốt	118	118				



Đạt	17	17				
Cần cố gắng	1	1				
4.Trung thực	137	137	x	x	x	x
Tốt	132	132				
Đạt	4	4				
Cần cố gắng						
5.Trách nhiệm	136	136	x	x	x	x
Tốt	127	127				
Đạt	9	9				
Cần cố gắng						
VI. HS.K.Tật ĐG	2			2		
VII. HS bỏ	0	0	0	0	0	0
VIII. Tổng hợp kết quả cuối năm	658	136	150	145	117	110
1. Kết quả GD cuối năm (khối 1)	136	136	x	x	x	x
Hoàn thành xuất sắc	55	55	x	x	x	x
Hoàn thành tốt	44	44	x	x	x	x
Hoàn thành	34	34	x	x	x	x
Chưa hoàn thành	3	3	x	x	x	x
2. Hoàn thành chương trình lớp học	655	136	150	145	117	110
3. Chưa Hoàn thành chương trình lớp học	3	3	0	0	0	0
+ Rèn luyện trong hè	3	3				
+ ở lại lớp						
4. Khen thưởng	433	99	102	94	68	70
Giấy khen cấp trường	433	99	102	94	68	70

Hưng Đạo, ngày 25 tháng 5 năm 2021

Thủ trưởng đơn vị



Nguyễn Thị Liên Hương